

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2682 /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 17 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao
trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2018-2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 3632/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Quy định cụ thể một số tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kết luận số 317-KL/TU ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Thường trực Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 331/TTr-SNN ngày 19/11/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2018-2020.

Điều 2. Tiêu chí này áp dụng đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định tại Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và quy định cụ thể một số tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Yên Bái giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 607/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái; là cơ sở để chỉ đạo, đánh giá, xét công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2018-2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ chủ động hướng dẫn thực hiện; tổ chức xem xét, thẩm định việc hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới nâng cao của các xã theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới căn cứ quy định này tập trung chỉ đạo, tổ chức, triển khai xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; hằng năm tổ chức rà soát, đánh giá mức độ hoàn thành từng tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn theo quy định.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc xét, công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 theo quy định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ, các tổ chức đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Yên Bái, Công TTĐT tỉnh;
- Phó CVP (NLN) UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NLN.

CHỦ TỊCH



Đỗ Đức Duy

TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI GIAI ĐOẠN 2018-2020

(kèm theo Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)


Điều kiện đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao:

1. Đạt chuẩn xã nông thôn mới theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Quy định cụ thể một số tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2016-2020.

2. Đạt các nhóm tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo quy định, gồm 05 nhóm:

TT	Nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá	Chịu trách nhiệm hướng dẫn đánh giá
1	Hạ tầng kinh tế xã hội	1.1. Hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, phù hợp với tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo các yêu cầu về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu	Đạt	Sở Giao thông vận tải
		1.2. Quản lý, sử dụng, duy tu, bảo trì, nâng cấp, đảm bảo hiệu quả sử dụng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội đã được đầu tư	Đạt	
2	Sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo	2.1. Tổ chức sản xuất: Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu; có ít nhất 01 hợp tác xã hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, liên kết làm ăn có hiệu quả	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá	Chịu trách nhiệm hướng dẫn đánh giá
		2.2. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới nâng cao phải cao hơn so với thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới	Tăng 1,2 lần	Cục Thống kê tỉnh
		2.3. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo)	≤ 6%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
3	Giáo dục - Y tế Văn hóa	3.1. Nâng cao trình độ dân trí của người dân: Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ II; đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ III	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		3.2. Trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; dân số thường trú trên địa bàn xã được quản lý, theo dõi sức khỏe đạt từ 80% trở lên. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 90% trở lên	Đạt	Sở Y tế
		3.3. Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút từ 50% trở lên số người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia. Mỗi thôn, bản có ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ văn hóa - văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Môi trường	4.1. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 75% trở lên; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 35% trở lên	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Nhóm tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá	Chịu trách nhiệm hướng dẫn đánh giá
		 <p>4.2. Có từ 40% trở lên số tuyến đường xã, thôn, bản có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến</p> <p>4.3. Có mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng</p> <p>4.4. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường</p> <p>4.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững</p>	<p>Đạt</p> <p>Đạt</p> <p>$\geq 75\%$</p> <p>$\geq 60\%$</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Sở Nông nghiệp và Phát triển NT</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường</p>
5	An ninh trật tự - Hành chính công	<p>5.1. Trong 02 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã nông thôn mới nâng cao, trên địa bàn xã: không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú ở xã phạm tội; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm</p> <p>5.2. Công khai minh bạch, đầy đủ các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo có hiệu quả; có mô hình điển hình về cải cách thủ tục hành chính hoạt động hiệu quả</p>	<p>Đạt</p> <p>Có</p>	<p>Công an tỉnh</p> <p>Văn phòng ĐDBQH, HĐND và UBND tỉnh</p>

12